

BÁO CÁO
TỔNG HỢP, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tự
thực và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp
lên đại học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (*sau đây viết tắt là Nghị định số 71/2020/NĐ-CP*);

Căn cứ Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (*sau đây viết tắt là Nghị định số 311/2025/NĐ-CP*);

Căn cứ Thông tư số 26/2025/TT-BTP ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “5. *Chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, lập danh sách giáo viên phải thực hiện nâng trình độ chuẩn; xác định thời gian giáo viên tham gia đào tạo; bố trí, sắp xếp giáo viên giảng dạy và bố trí chương trình, thời khóa biểu phù hợp để giáo viên vừa làm vừa học; xây dựng kế hoạch hằng năm; bố trí kinh phí; tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm về công tác này.*

Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dân lập, tư thực.”

Đồng thời, tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP quy định: “2. Những giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn đã được cấp bằng tốt nghiệp đạt yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo của cấp học đang giảng dạy kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo thì được truy lĩnh, chi trả học phí đào tạo.

a) Mức tiền được truy lĩnh, chi trả bằng mức thu học phí của cơ sở đào tạo tại thời điểm giáo viên theo học. Mức tiền này không bao gồm chi phí thi lại và học lại.

Giáo viên mầm non theo quy định tại khoản này nếu đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức tiền được truy lĩnh nhưng không thấp hơn mức học phí đào tạo từ trình độ trung cấp lên cao đẳng;”

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5701/UBND-KGVX ngày 12/12/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05/12/2025 của Chính phủ và Công văn số 6861/UBND-NC ngày 14/7/2026 của UBND tỉnh về việc triển khai ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh về danh mục nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh; Sở Giáo dục và Đào tạo đã dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi để lấy ý kiến tham gia góp ý của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu; các đơn vị trực thuộc Sở¹. Đồng thời, dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ <https://quangngai.gov.vn/gop-y-du-thao> và website của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi.

1. Tổng số ý kiến nhận được

Đến thời điểm báo cáo, Sở Giáo dục và Đào tạo đã nhận được ý kiến góp ý bằng văn bản của 74 cơ quan, đơn vị (12 sở, ban, ngành; 45 UBND xã/phường/đặc khu; 17 đơn vị trực thuộc Sở). Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia, xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định.

2. Các ý kiến góp ý cụ thể

Trong 74 văn bản góp ý, có 68 đơn vị hoàn toàn thống nhất với dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, có 06 đơn vị cơ bản thống nhất với dự thảo Nghị quyết và có tham gia góp ý thêm, Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo tổng hợp, tiếp thu, chỉnh sửa và giải trình như sau:

¹ Công văn số 4811/SGDDT-TCCB ngày 30/9/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

TT	Cơ quan, đơn vị góp ý	Ý kiến góp ý	Ý kiến tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa của Sở GDĐT
1	Sở Nội vụ tại Công văn số 5031/SNV- CCVC ngày 02/10/2026	Thông nhất	
2	Sở Tài chính tại Công văn số 9076/STC-HCSN ngày 02/10/2026	- Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở thì nguồn kinh phí thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên (công lập, dân lập, tư thực) do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định nêu trên, Sở Tài chính đề nghị điều chỉnh khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết thành “Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh đảm bảo và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật”. - Đồng thời, để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương bố trí kinh phí thực hiện, đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo nghiên cứu, xác định mức hỗ trợ ở mức tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.	- Thông nhất tiếp thu, chỉnh sửa khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết theo góp ý của Sở Tài chính, trình bày tại khoản 4 Điều 3 dự thảo “4. Kinh phí thực hiện Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh đảm bảo và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.” - Đối với nội dung xác định mức hỗ trợ ở mức tối thiểu, Sở GDĐT tiếp thu, chỉnh sửa khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết như sau: <i>“1. Mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1: Mức hỗ trợ đối với 01 giáo viên bậc mầm non là:</i>

			1.600.000 đồng/ tháng x 10 (tháng) x 2 (năm) = 32.000.000 đồng. Trường hợp chi phí đào tạo thấp hơn mức hỗ trợ thì tính theo hóa đơn thực tế. Mức hỗ trợ đối với 01 giáo viên bậc tiểu học hoặc trung học cơ sở: 1.790.000 đồng/ tháng x 10 (tháng) x 2 (năm) = 35.800.000 đồng. Trường hợp chi phí đào tạo thấp hơn mức hỗ trợ thì tính theo hóa đơn thực tế.” Lý do điều chỉnh: tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP về trách nhiệm của UBND cấp tỉnh: “...<i>Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên dân lập, tư thực.</i>” Theo đó, việc hỗ trợ nâng trình độ chuẩn cho giáo viên dân lập, tư thực dựa trên khả năng cân đối ngân sách địa phương, do đó để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương bố trí kinh phí thực hiện Sở GDĐT điều chỉnh mức hỗ trợ xuống mức thấp hơn (không nhân với hệ số 1,5 - mức học phí đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng) theo quy định tại Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Đối với mức truy lĩnh cho giáo
--	--	--	---

			viên mầm non đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học, Sở GDĐT giữ nguyên nội dung tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết, vì tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP quy định: “<i>Giáo viên mầm non theo quy định tại khoản này nếu đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức tiền được truy lĩnh nhưng không thấp hơn mức học phí đào tạo từ trình độ trung cấp lên cao đẳng;</i>”, theo đó, mức truy lĩnh tại khoản 2 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết đã xác định ở mức tối thiểu theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP tại thời điểm năm học 2021-2022 và 2022-2023, đồng thời đây cũng là mức học phí Trường Đại học Phạm Văn Đồng áp dụng thực hiện đào tạo nâng chuẩn giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh tại thời điểm nêu trên.
3	Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 5120/SKH-CN-VP ngày 06/10/2026	Thông nhất	
4	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tại Công văn số 91-CV/BTGTU ngày 07/10/2026	Cơ bản thống nhất với nội dung của các dự thảo, đồng thời tham gia một số ý kiến như sau: - Về căn cứ: Đề nghị nghiên cứu bổ sung Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025. - Về dự thảo Tờ trình: (1) Trong dự thảo Nghị quyết chỉ quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thục và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm	- Thống nhất tiếp thu, bổ sung vào phần căn cứ của dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết: “Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15”. (1) Đề thuyết minh lý do giáo viên tiểu học, THCS thuộc diện truy lĩnh vẫn được hưởng theo Nghị định 311/2025/NĐ-CP, nhưng

	non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học, vì vậy trong dự thảo Tờ trình đề nghị đơn vị biên tập bổ sung thuyết minh lý do giáo viên tiểu học, THCS thuộc diện truy lĩnh vẫn được hưởng theo Nghị định 311/2025/NĐ-CP, nhưng không đưa vô dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh để tránh hiểu nhầm là không được hưởng truy lĩnh theo quy định; (2) bổ sung thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn để xác định mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh học phí đối với giáo viên mầm non được quy định tại Điều 3, dự thảo Nghị quyết.	không đưa vô dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh, Sở GDĐT bổ sung vào mục V của dự thảo Tờ trình nội dung như sau: “<i>Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 1 và điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP, dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi nhằm đảm bảo tính pháp lý cho việc thực hiện các chính sách hỗ trợ nâng chuẩn cho giáo viên dân lập, tư thực và truy lĩnh học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Những trường hợp (không nêu trong dự thảo Nghị quyết) thuộc diện truy lĩnh theo Nghị định 311/2025/NĐ-CP vẫn được hưởng chính sách theo quy định. Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách khoảng 90,567 tỷ đồng. Trong đó:</i> <i>Kinh phí hỗ trợ nâng chuẩn cho giáo viên dân lập, tư thực theo số liệu thời điểm hiện tại khoảng 7,492 tỷ đồng.</i> <i>Kinh phí truy lĩnh học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ khoảng 83,075 tỷ đồng.”</i> (2) Để bổ sung thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn để xác định mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh học phí đối với giáo viên mầm non được quy định tại Điều
--	--	--

			3 dự thảo Nghị quyết, Sở GDĐT đính kèm theo dự thảo Tờ trình Phụ lục dự toán kinh phí thực hiện chính sách, trong đó có nêu cụ thể căn cứ pháp lý thực hiện. Về cơ sở thực tiễn, Sở GDĐT đã nêu tại phần tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của Sở Tài chính.
5	Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Công văn số 12258/SNNMT-KHTC ngày 06/10/2026	Thông nhất	
6	Sở Xây dựng tại Công văn số 8031/SXD-VP ngày 07/10/2026	Thông nhất	
7	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi tại Công văn số 1817/MTTQ-BTT ngày 08/10/2026	I. Ý KIẾN CHUNG Việc ban hành ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết, phù hợp với Nghị định số 311/2025/NĐ-CP (<i>sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP</i>), đồng thời không chỉ khẳng định sự quan tâm sâu sắc với đội ngũ nhà giáo, mà còn bảo đảm tính công bằng, không phân biệt giữa giáo viên công lập và ngoài công lập. Sự hỗ trợ kinh phí nâng chuẩn cho giáo viên tại các trường dân lập, tư thực là nguồn động viên thiết thực giúp các thầy cô yên tâm công tác, tận tụy cống hiến và nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục thế	- Cơ quan soạn thảo thống nhất với phần “I. Ý KIẾN CHUNG” của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi

		hệ trên địa bàn tỉnh. II. Ý KIẾN CỤ THỂ 1. Đối với dự thảo Tờ trình Trong Tờ trình, đề nghị làm rõ tổng số lượng giáo viên dân lập, tư thục dự kiến thuộc diện thụ hưởng từ năm 2027 đến 2030; tổng số giáo viên mầm non công lập thuộc diện được truy lĩnh và tổng kinh phí dự kiến chi trả từ ngân sách tỉnh. Việc minh bạch các thông tin tài chính và đối tượng thụ hưởng ngay từ khâu dự thảo Nghị quyết sẽ giúp Hội đồng nhân dân tỉnh có căn cứ xác đáng để đánh giá tính khả thi, sự phù hợp của chính sách với khả năng cân đối nguồn lực địa phương, qua đó tạo sự đồng thuận cao trong Nhân dân khi chính sách được ban hành và đi vào cuộc sống.	Về “II. Ý KIẾN CỤ THỂ”, Sở GDĐT tiếp thu, giải trình như sau: (1) Đối với dự thảo Tờ trình: về số lượng giáo viên dân lập, tư thục dự kiến thuộc diện thụ hưởng chính sách hỗ trợ và số giáo viên công lập thuộc diện được truy lĩnh, Sở GDĐT nêu tại mục I của dự thảo Tờ trình: <i>“Qua rà soát, đến nay toàn tỉnh Quảng Ngãi có 234 giáo viên dân lập, tư thục chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 28 Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15. Đồng thời, có 3.405 giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở các cơ sở giáo dục công lập đề nghị thanh toán, truy lĩnh học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Trong đó, bậc Mầm non: 628 giáo viên, bậc Tiểu học: 2.057 giáo viên, bậc Trung học cơ sở (THCS): 720 giáo viên.”</i> Về dự kiến kinh phí, Sở GDĐT bổ sung vào mục V của dự thảo Tờ trình như sau: <i>“Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách khoảng 90,567 tỷ đồng. Trong đó:</i> <i>Kinh phí hỗ trợ nâng chuẩn cho giáo viên dân lập, tư thục theo số liệu thời điểm hiện tại khoảng 7,492 tỷ đồng.</i> <i>Kinh phí truy lĩnh học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ khoảng 83,075 tỷ đồng.”</i> Đồng thời đính kèm theo dự thảo Tờ trình Phụ lục dự toán kinh phí thực hiện chính sách, trong đó có nêu cụ thể căn cứ pháp lý thực
--	--	---	--

		2. Đối với dự thảo Nghị quyết - Tại phần căn cứ đề nghị điều chỉnh thành: “Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.” - Tại điểm b khoản 4 Điều 2: Quy định không thực hiện truy lĩnh đối với trường hợp đơn phương chấm dứt hợp đồng/bỏ việc. Đề nghị bổ sung cụm từ: “...trừ các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động vì lý do chính đáng theo quy định của pháp luật lao động (như lý do sức khỏe, thiên tai, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương)”. Lý do điều chỉnh: Nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong các trường hợp bất khả kháng, tránh việc quy định quá chặt chẽ có thể gây thiệt thòi cho giáo viên.	hiện. (2) Đối với dự thảo Nghị quyết - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa: “<i>Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</i>” - Sở GDĐT tiếp thu, điều chỉnh, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 2 của dự thảo Nghị quyết cụm từ: “...trừ trường hợp có lý do khách quan bất khả kháng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận”.
8	Sở Công thương tại Công văn số 6671/SCT-VP ngày 08/10/2026	Thống nhất	
9	Thanh tra tỉnh tại Công văn số 3291/TTR-NV5 ngày 09/10/2026	Thống nhất	

10	Sở Ngoại vụ tại Công văn số 2416/SNgV-LSBG ngày 09/10/2026	Tổng nhất	
11	Sở Tư pháp tại Công văn số 2957/STP-XD&TCTHPL ngày 14/10/2026	1. Tên gọi dự thảo Nghị quyết và nội dung tại Điều 1 dự thảo về phạm vi điều chỉnh (tại khoản 1), đối tượng áp dụng (tại khoản 2) chưa phù hợp quy định của pháp luật và đảm bảo tính thống nhất, cụ thể: - Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05/12/2025 của Chính phủ. Đồng thời, Điều 72 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 hiện nay đã hết hiệu lực thi hành và bị bãi bỏ tại điểm đ khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026). - Tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết trình bày “<i>từ năm học 2027 đến năm 2030</i>” là chưa phù hợp với quy định của Luật Giáo dục và chưa thống nhất với nội dung quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 dự thảo “<i>bắt đầu tham gia đào tạo từ năm 2027 đến năm 2030</i>”. Đồng thời, nội dung dự thảo xác định chỉ hỗ trợ cho đối tượng giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục và giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập là chưa phù hợp với nội dung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP quy	1. Sở GDĐT thống nhất tiếp thu, điều chỉnh lại tên gọi của dự thảo Nghị quyết như sau: “<i>Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thục và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi</i>”. - Tiếp thu, chỉnh sửa điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo như sau: “<i>Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (có trình độ trung cấp hoặc cao đẳng) chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo theo quy định tại Điều 28 Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15</i>” - Tiếp thu, chỉnh sửa tại điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: “<i>a) Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn từ năm 2027 đến năm 2030</i>”. - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết: “<i>Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục (sau đây gọi chung là giáo viên) dân lập, tư thục và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học theo quy định tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ</i>

	định đối tượng áp dụng là “Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục” trong các cơ sở giáo dục công lập dân lập tư thực bao gồm: Cơ sở giáo dục mầm non; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp tiểu học hoặc cấp trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học hoặc cấp trung học cơ sở. Ngoài ra, tên gọi dự thảo Nghị quyết và phạm vi điều chỉnh quy định mức truy lĩnh học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học theo quy định tại Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ là chưa chính xác. Bởi vì, mức tiền truy lĩnh cho giáo viên mầm non tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn từ trung cấp lên đại học ngành Giáo dục mầm non được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP ngày 05/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định lộ trình thực hiện nâng trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở. 2. Tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định “Mức hỗ trợ, truy lĩnh đối với giáo viên mầm non đào tạo từ trình độ trung cấp lên đại học...theo quy định tại điểm a khoản 2	<i>sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:”. Cụm từ “giáo viên” sẽ được gọi chung cho nhóm đối tượng “giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục” tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đồng thời cơ quan soạn thảo cũng đã điều chỉnh căn cứ pháp lý “theo quy định tại Nghị định số 311/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP của Chính phủ”.</i> - <i>Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết như sau: “Mức truy lĩnh đối với giáo viên mầm non đào tạo từ trình độ trung cấp lên đại học...theo quy định tại điểm a</i>
--	---	--

	Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP” là chưa phù hợp. Bởi vì, nội dung tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP quy định mức tiền truy lĩnh, không quy định mức hỗ trợ. Đồng thời, tại điểm a khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết trình bày “<i>Thực hiện truy lĩnh một phần học phí đối với các trường hợp sau: a) Đã được cấp có thẩm quyền thanh toán một phần học phí đào tạo</i>” chưa thống nhất với nội dung tại điểm b khoản 2 Điều 1 dự thảo “<i>Giáo viên mầm non tại các cơ sở giáo dục mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thuộc đối tượng phải thực hiện nâng trình độ chuẩn đã được cấp bằng tốt nghiệp đạt yêu cầu về trình độ chuẩn được đào tạo của cấp học đang giảng dạy kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 nhưng chưa được cơ quan, đơn vị thanh toán học phí đào tạo...</i>”. - Tên gọi của khoản 1 Điều 3 dự thảo trình bày “<i>Mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên dân lập, tư thực quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1</i>”, nhưng tại điểm a khoản 2 Điều 1 dự thảo trình bày “<i>Giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực trên địa bàn tỉnh...</i>”. Đồng thời, tên gọi của khoản 2 Điều 3 dự thảo trình bày “<i>Mức truy lĩnh học phí đối với giáo viên mầm non quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1</i>”, nhưng tại điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo quy định “<i>Đối với giáo viên đã phục vụ, thực hiện nhiệm vụ</i>	khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP” (bỏ cụm từ “hỗ trợ”). - Để đảm bảo quyền lợi của giáo viên và không có sự chênh lệch về mức truy lĩnh đối với cùng một đối tượng trong cùng một chính sách, Sở GDĐT vẫn giữ nguyên nội dung truy lĩnh đối với các trường hợp đã được cấp có thẩm quyền thanh toán một phần học phí trước đó và trình bày lại tại điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo “<i>b) Đối với giáo viên đã được cấp có thẩm quyền thanh toán một phần học phí đào tạo thì số tiền được truy lĩnh bằng mức truy lĩnh trừ đi số tiền đã được cấp có thẩm quyền hỗ trợ trước đó.</i>” - Để đảm bảo tính thống nhất giữa tên gọi và nội dung các khoản của Điều 3 dự thảo. Sở GDĐT thống nhất tiếp thu, điều chỉnh tên gọi của khoản 1 Điều 3 dự thảo như sau: “<i>1. Mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thực quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1.</i>” Đồng thời, chỉnh sửa điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo như sau: “<i>c) Đối với giáo viên đã phục vụ, thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở giáo dục sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chưa đảm bảo thời gian gấp 02 lần thời gian đào tạo, số tiền truy lĩnh được xác định dựa trên thời gian làm việc thực tế sau đào tạo, cụ thể như sau:</i> Số tiền được truy lĩnh = (Mức
--	--	---

		tại cơ sở giáo dục sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chưa đảm bảo thời gian quy định (thuộc đối tượng tại điểm b khoản 5 Điều 2), mức truy lĩnh...” là chưa đảm bảo tính thống nhất giữa tên gọi và nội dung các khoản của Điều 3 dự thảo. - Về mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn và mức truy lĩnh học phí đối với giáo viên mầm non công lập, đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình cơ sở pháp lý để đề xuất mức hỗ trợ; thời điểm và thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ, truy lĩnh (<i>các trường hợp hiện nay đang tham gia đào tạo</i>); dự toán kinh phí và khả năng cân đối ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ, truy lĩnh. Bởi vì, hiện nay mức học phí đối với giáo dục nghề nghiệp (đào tạo trình độ cao đẳng), học phí đối với giáo dục đại học được quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.	truy lĩnh/Tổng thời gian phải làm việc sau đào tạo theo quy định) x Thời gian đã làm việc thực tế sau đào tạo (Thời gian được tính bằng số tháng làm tròn).” Cách tính này dựa trên cách tính chi phí đền bù tại Điều 8 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. - Về mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn và mức truy lĩnh học phí đối với giáo viên mầm non công lập, Sở GDĐT đã lập dự toán kinh phí theo Phụ lục đính kèm. Về cơ sở pháp lý để đề xuất mức hỗ trợ: Về mức hỗ trợ học phí đối với giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn từ năm 2027 đến năm 2030, áp dụng theo Nghị định 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 Quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, tại “Điều 9. Học phí đối với giáo dục nghề nghiệp: 1. Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên năm học 2026 - 2027 như sau: (Khối ngành khoa học và đào tạo giáo viên): 1,600/tháng; 6. Mức học phí đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá
--	--	---	---

			150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng.” (đối với giáo viên mầm non) và “Điều 10 Học phí đối với giáo dục đại học: 1. Mức trần học phí đối với cơ sở giáo dục đại học công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên năm học 2026 - 2027 (Khối ngành khoa học và đào tạo giáo viên): 1,790/tháng; 6. Mức học phí đào tạo hình thức vừa làm vừa học; đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức thu học phí so với hệ đào tạo chính quy tương ứng.” (đối với giáo viên tiểu học, trung học cơ sở). Tuy nhiên, sau ý kiến góp ý của Sở Tài chính, để đảm bảo khả năng cân đối ngân sách địa phương bố trí kinh phí thực hiện Sở GDĐT điều chỉnh mức hỗ trợ xuống mức thấp hơn (không nhân với hệ số 1,5 - mức học phí đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học, đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng). Về mức truy lĩnh học phí đối với giáo viên mầm non công lập đào tạo từ trung cấp lên đại học, áp dụng Điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: “1. Mức trần học phí năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 - 2023 như sau: a) Mức trần học phí đối với các chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư như sau: Ngành Khoa học xã hội nhân văn, giáo dục và đào
--	--	--	--

		<i>tạo, báo chí, thông tin và kinh doanh, quản lý: 780.000 đồng/tháng. Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP: Mức học phí đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học; đào tạo từ xa được xác định trên cơ sở chi phí hợp lý thực tế với mức thu không vượt quá 150% mức học phí của hệ đào tạo chính quy tương ứng.”</i> Việc áp dụng mức học phí Nghị định số 97/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, tại thời điểm năm học 2021 - 2022 và năm học 2022 – 2023 là phù hợp với thời điểm tốt nghiệp của đa số giáo viên mầm non, đây cũng là mức học phí Trường Đại học Phạm Văn Đồng áp dụng thực hiện đào tạo nâng chuẩn giáo viên mầm non trên địa bàn tỉnh tại thời điểm nêu trên, đồng thời đảm bảo khả năng cân đối ngân sách cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ truy lĩnh. Những trường hợp giáo viên công tác tại các cơ sở giáo dục công lập hiện nay đang tham gia đào tạo, thực hiện theo kế hoạch của tỉnh, giao nhiệm vụ cho trường Đại học Phạm Văn Đồng đào tạo. Đối với các ngành hoặc chuyên ngành không đủ điều kiện mở lớp đào tạo theo phương thức giao nhiệm vụ, giáo viên chủ động đăng ký dự tuyển với cơ sở đào tạo công lập theo quy chế tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành (<i>khoản 1 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP</i>). Cơ sở giáo dục nơi giáo viên công tác có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và thực hiện chi trả cho giáo viên
--	--	---

			kinh phí đào tạo bằng mức thu học phí theo hóa đơn hoặc chứng từ hợp pháp của cơ sở đào tạo sau khi được cấp bằng tốt nghiệp (Điều 9 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP). Đối với giáo viên công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục đang tham gia đào tạo, để đảm bảo công bằng cho đối tượng thụ hưởng tại cùng một thời điểm của cùng một chính sách, cơ quan soạn thảo điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo như sau: “a) Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn từ năm 2027 đến năm 2030.” Theo đó, những giáo viên đang tham gia đào tạo và tốt nghiệp trong năm 2027 vẫn được hưởng chính sách. Về khả năng cân đối ngân sách đảm bảo cho việc thực hiện chính sách hỗ trợ, truy lĩnh: Sở Tài chính đã có Công văn số 8233/STC-HCSN ngày 11/9/2026 về việc ý kiến về kinh phí thực hiện thanh toán, truy lĩnh học phí đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên mầm non, phổ thông theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, “Sở Tài chính đề nghị tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí trong dự toán năm 2027, đồng thời Sở Tài chính tiếp tục tham mưu UBND tỉnh kiến nghị trung ương xem xét, hỗ trợ.” - Đã tiếp thu, chỉnh sửa không trình bày ngày, tháng, năm ban
--	--	--	---

		Ngoài ra, về ngôn ngữ và kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết, đề nghị không cần thiết trình bày ngày, tháng, năm ban hành của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP; bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về ngân sách nhà nước, về giáo dục làm căn cứ pháp lý để ban hành nghị quyết cho phù hợp. Đồng thời, trình bày lại nội dung tại Điều 2 dự thảo về nguyên tắc hỗ trợ, truy lĩnh; nhưng nội dung tại khoản 4 quy định không thực hiện truy lĩnh, tại khoản 5 quy định thực hiện truy lĩnh một phần học phí...cho phù hợp và đảm bảo tính thống nhất.	hành của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP, Nghị định số 311/2025/NĐ-CP. - Để phù hợp và đảm bảo tính thống nhất, cơ quan soạn thảo tiếp thu chỉnh sửa Điều 2 và Điều 3 dự thảo theo góp ý của Sở Tư pháp: chuyển nội dung khoản 4, khoản 5 Điều 2 sang Điều 3 và trình bày lại tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 <i>(dự thảo đính kèm)</i>
12	Báo và Phát thanh truyền hình Quảng Ngãi tại Công văn số 770-CV/BPTTH ngày 15/10/2026	Thống nhất	
13	UBND xã Sơn Mai tại Báo cáo số 567/BC-UBND ngày 30/9/2026	Thống nhất	
14	UBND xã Kon Đào tại Công văn số 2075/UBND-VHXX ngày 30/9/2026	Thống nhất	
15	UBND xã Sơn Tây tại Công văn số 2237/UBND ngày 30/9/2026	Thống nhất	

16	UBND xã Đắk Tô Kan tại Công văn số 2304/UBND- VHXH ngày 02/10/2026	Thông nhất	
17	UBND xã Đắk Kôi tại Công văn số 1281/UBND-VX ngày 02/10/2026	Thông nhất	
18	UBND xã Đắk Hà tại Công văn số 4518/UBND- VHXH ngày 02/10/2026	Thông nhất	
19	UBND xã Thọ Phong tại Báo cáo số 430/BC-UBND ngày 02/10/2026	Thông nhất	
20	UBND xã Sơn Tĩnh tại Công văn số 2354/UBND- VX ngày 01/10/2026	Thông nhất	
21	UBND xã Vệ Giang tại Công văn số 1759/UBND- VHXH ngày 02/10/2026	Thông nhất	
22	UBND xã Dục Nông tại Công văn số 2229/UBND- VHXH ngày 02/10/2026	Thông nhất	
23	UBND xã Đắk Ui tại Công văn số 2295/UBND-VX ngày 04/10/2026	Thông nhất	
24	UBND xã Xốp tại Công văn số 1376/UBND- VHXH ngày 05/10/2026	Thông nhất	
25	UBND xã Ba Gia tại Công văn số	Thông nhất	

	1811/UBND ngày 05/10/2026		
26	UBND xã Bình Minh tại Công văn số 1232/UBND- VHXH ngày 05/10/2026	Thông nhất	
27	UBND xã Rờ Koi tại Công văn số 1679/UBND-TH ngày 05/10/2026	Thông nhất	
28	UBND xã Ia Đal tại Công văn số 1469/UBND ngày 05/10/2026	Thông nhất	
29	UBND xã Ba Động tại Công văn số 1885/UBND ngày 05/10/2026	Thông nhất	
30	UBND xã Bờ Y tại Công văn số 3674/UBND- VHXH ngày 05/10/2026	Thông nhất	
31	UBND phường Đức Phổ tại Công văn số 1894/UBND- VHXH ngày 06/10/2026	Thông nhất	
32	UBND xã Nguyễn Nghiêm tại Công văn số 2004/UBND ngày 06/10/2026	Thông nhất	
33	UBND xã Ba Xa tại Công văn số 1189/UBND-VX ngày 06/10/2026	Thông nhất	
34	UBND xã Ba Dinh tại Công văn số 1997/UBND- VHXH ngày 06/10/2026	Thông nhất	

35	UBND xã Sa Thầy tại Công văn số 2166/UBND- VHXH ngày 05/10/2026	Thông nhất	
36	UBND xã An Phú tại Công văn số 2427/UBND- VHXH ngày 06/10/2026	Thông nhất	
37	UBND xã Đăk Pék tại Công văn số 1884/UBND- VHXH ngày 07/10/2026	Thông nhất	
38	UBND xã Măng Bút tại Công văn số 1113/UBND- VHXH ngày 07/10/2026	Thông nhất	
39	UBND xã Bình Chương tại Công văn số 1486/UBND ngày 07/10/2026	Thông nhất	
40	UBND xã Ia Chim tại Công văn số 2104/UBND-VX ngày 08/10/2026	Thông nhất	
41	UBND xã Đăk Sao tại Công văn số 2541/UBND- VHXH ngày 08/10/2026	Thông nhất	
42	UBND xã Sơn Tây Hạ tại Công văn số 2027/UBND ngày 09/10/2026	Thông nhất	
43	UBND xã Bình Sơn tại Công văn số 2907/UBND- VX ngày 09/10/2026	Thông nhất	
44	UBND xã Kon	Thông nhất	

	Braih tại Công văn số 2316/UBND-VX ngày 10/10/2026		
45	UBND xã Đình Cương tại Công văn số 1849/UBND-VHXXH ngày 08/10/2026	Thông nhất	
46	UBND xã Sa Bình tại Công văn số 1366/UBND-VHXXH ngày 09/10/2026	Thông nhất	
47	UBND xã Mô Rai tại Công văn số 1737/UBND-VHXXH ngày 09/10/2026	Thông nhất	
48	UBND phường Cẩm Thành tại Công văn số 2784/UBND-VX ngày 09/10/2026	Tại Điều 2 của dự thảo Nghị quyết chưa phân định rõ ràng giữa các trường hợp không được truy lĩnh và được truy lĩnh một phần, rất dễ gây lúng túng cho cơ sở khi áp dụng thực tế, cụ thể: + Điểm b khoản 4 quy định không thực hiện truy lĩnh nếu giáo viên: “Bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc... khi chưa phục vụ đủ thời gian gấp 02 lần thời gian đào tạo”. + Tuy nhiên, điểm b khoản 5 lại quy định thực hiện truy lĩnh một phần đối với trường hợp: “Đã phục vụ... nhưng chưa đảm bảo gấp 02 lần thời gian đào tạo”. Mặc dù tại điểm b khoản 5 có cụm từ loại trừ “(trừ đối tượng tại điểm b khoản 4 Điều 2)”, nhưng cách diễn đạt này vẫn mang tính chung chung. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh lý, làm rõ nội dung	Sở GDĐT tiếp thu, chỉnh sửa như sau: (1) Bổ sung và trình bày tại điểm b khoản 3 Điều 3 cụm từ: “...trừ trường hợp có lý do khách quan bất khả kháng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận”. Các trường hợp chuyển công tác, nghỉ hưu không thuộc trường hợp bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc, do đó sẽ không thuộc đối tượng tại điểm b khoản 3 Điều 3. Do đó, Sở GDĐT xét thấy không cần liệt kê các trường hợp này vào dự thảo Nghị quyết, vừa để đảm bảo chặt chẽ về nội dung vừa đảm bảo về ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật.

	điểm b khoản 5 theo hướng liệt kê cụ thể các trường hợp khách quan được truy lĩnh một phần, ví dụ: “Đã phục vụ tại cơ sở giáo dục nhưng chưa đủ thời gian cam kết do chuyển công tác, nghỉ hưu, hoặc chấm dứt hợp đồng lao động không do lỗi của người lao động...”. Điều chỉnh theo lối diễn đạt này sẽ giúp phân biệt rạch ròi với nhóm đối tượng tự ý bỏ việc đơn phương chấm dứt hợp đồng đã nêu tại khoản 4. 2. Về quy định điều kiện, thời gian cam kết phục vụ đối với giáo viên ngoài công lập tại điểm b khoản 4 Điều 2 của dự thảo đang quy định: “Không thực hiện truy lĩnh đối với các trường hợp... Bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng... khi chưa phục vụ... ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo”; quy định này hiện chỉ đang đặt ra chế tài ràng buộc đối với nhóm giáo viên công lập khi được “truy lĩnh”, chưa đề cập đến chế tài với đối tượng nhận “hỗ trợ” là nhóm giáo viên ngoài công lập. Điều này dẫn đến vấn đề giáo viên ngoài công lập sau khi nhận tiền “hỗ trợ” đào tạo xong có thể tự ý nghỉ việc hoặc chuyển ngành mà không bị ràng buộc trách nhiệm bồi hoàn, gây thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước và không đạt được mục tiêu của chính sách là nâng cao chất lượng nhân lực cho địa phương. Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh lý tiêu đề khoản 4 Điều 2 thành “Không thực hiện hỗ trợ, truy lĩnh đối với các trường hợp sau:” để đảm bảo sự công bằng, đồng bộ. Cần	(2) Thống nhất điều chỉnh tiêu đề khoản 4 Điều 2 thành “Không thực hiện <i>hỗ trợ</i>, truy lĩnh đối với các trường hợp sau:” (trình bày lại tại khoản 3 Điều 3 dự thảo). Về chế tài ràng buộc đối với nhóm giáo viên công lập khi được “hỗ trợ”, Sở GDĐT giải trình như sau: giáo viên dân lập, tự thực được hỗ trợ đào tạo nâng chuẩn thuộc đối tượng của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và số Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ vẫn phải thực hiện Quyền và trách nhiệm của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn (<i>Điều 10</i>) và Đền bù chi phí đào tạo (<i>Điều 11</i>) Nghị định số 71/2020/NĐ-CP. Về điều kiện, thủ tục nhận hỗ trợ đối với giáo viên ngoài công lập thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Do đó, việc bổ sung quy định đối với giáo viên ngoài công lập là không cần thiết.
--	--	--

		bổ sung quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục nhận hỗ trợ đối với giáo viên ngoài công lập. Cụ thể, yêu cầu giáo viên ngoài công lập phải có bản cam kết tiếp tục phục vụ tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo. Đồng thời, dự thảo cần bổ sung thêm một điều khoản quy định rõ trường hợp đối tượng vi phạm thời gian cam kết phục vụ sẽ có cơ chế thu hồi kinh phí hỗ trợ như thế nào, giao cho cơ quan nào chủ trì thu hồi, quy trình thu hồi ra sao.	
49	UBND xã Măng Ri tại Công văn số 1355/UBND- VHXH ngày 09/10/2026	Thông nhất	
50	UBND phường Kon Tum tại Công văn số 3314/UBND- VHXH ngày 12/10/2026	Thông nhất	
51	UBND phường Trương Quang Trọng tại Công văn số 2190/UBND- PVHXH ngày 13/10/2026	Thông nhất	
52	UBND xã Ia Toi tại Công văn số 2069/UBND- VHXH ngày 13/10/2026	Thông nhất	
53	UBND xã Ngọc Bay tại Công văn số 2359/UBND- VX ngày 13/10/2026	Đối với dự thảo Nghị quyết: 1.1. Về căn cứ ban hành: Đề nghị bổ sung vào phần căn cứ khoản 5 Điều 15 Nghị định số 71/2020/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP) và	- Sở GDĐT thông nhất bổ sung căn cứ “ <i>Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15</i> ”. Tại phần căn cứ, cơ quan soạn thảo đã nêu căn cứ Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và Nghị định số 311/2025/NĐ-CP, do đó việc nêu cụ thể điều

	điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP là các quy định giao thẩm quyền cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; đồng thời bổ sung Luật Nhà giáo số 73/2025/QH15 và Luật Ngân sách nhà nước vì đã được viện dẫn tại Điều 1 và khoản 3 Điều 3 nhưng chưa nêu trong phần căn cứ. 1.2. Về phạm vi, đối tượng áp dụng (Điều 1): - Điểm a khoản 1 Điều 1 xác định “từ năm học 2027 đến năm 2030”, trong khi điểm a khoản 4 Điều 3 quy định “từ năm 2027 đến năm 2030”; đề nghị thống nhất cách xác định mốc thời gian. Đồng thời, quy định rõ giáo viên bắt đầu theo học trong giai đoạn này được hỗ trợ cho đến khi hoàn thành khóa đào tạo. - Đề nghị bổ sung quy định chuyển tiếp đối với giáo viên dân lập, tư thục đã theo học trước năm 2027 và đang học dở chương trình, nhằm bảo đảm công bằng giữa các đối tượng. - Đề nghị làm rõ đối tượng truy lĩnh tại điểm b khoản 2: Có bao gồm viên chức và người lao động hợp đồng hay không; trường hợp giáo viên đã nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đã từ trần thì đơn vị nào xác nhận, chi trả và ai là người nhận. - Giáo viên dân lập, tư thục có trình độ xuất phát là trung cấp	khoản tại các Nghị định này là không cần thiết. - Về xác định mốc thời gian thụ hưởng chính sách đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục, nhằm đảm bảo công bằng giữa các đối tượng, sở GDĐT tiếp thu, điều chỉnh điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo như sau: <i>“a) Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở đang công tác tại các cơ sở giáo dục dân lập, tư thục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn từ năm 2027 đến năm 2030.”, chỉnh sửa tại điểm a khoản 5 Điều 3 dự thảo “ a) Thực hiện hỗ trợ giáo viên dân lập, tư thục tham gia đào tạo từ năm 2027 đến năm 2030”.</i> Theo đó, những giáo viên đang tham gia đào tạo và tốt nghiệp trong năm 2027 vẫn được hưởng chính sách. - Đối tượng tại điểm b khoản 2 Điều 1 không bao gồm người lao động hợp đồng. Những trường hợp giáo viên đã nghỉ hưu, chuyển công tác hoặc đã từ trần, theo phân cấp quản lý, cơ quan có thẩm quyền căn cứ vào thời gian giáo viên đã phục vụ, thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở giáo dục sau khi hoàn thành chương trình đào tạo (<i>điểm c khoản 2 Điều 3 dự thảo sau khi Nghị quyết được ban hành</i>) để thực hiện chi trả đúng quy định của pháp luật - Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo đã đề xuất hai mức hỗ trợ khác nhau đối với giáo viên mầm non (<i>trình</i>
--	---	--

	hoặc cao đẳng nhưng chỉ áp dụng một mức hỗ trợ; đề nghị xem xét phân biệt hoặc thuyết minh rõ vì thời gian và học phí đào tạo của hai trường hợp khác nhau. 1.3. Về nguyên tắc hỗ trợ, truy lĩnh (Điều 2): - Điểm a khoản 4: Cụm “đã được thanh toán theo chế độ khác” chưa rõ; đề nghị quy định cụ thể là đã được thanh toán đủ học phí từ nguồn nào để thống nhất áp dụng. - Điểm b khoản 4 và điểm b khoản 5 chưa loại trừ các trường hợp khách quan như nghỉ hưu, thôi việc do sắp xếp tổ chức bộ máy hoặc sáp nhập đơn vị, chuyển công tác trong ngành, điều động, ốm đau dài ngày, tử vong; đề nghị bổ sung để không ảnh hưởng quyền lợi chính đáng của giáo viên. - Điểm b khoản 5: Cụm “điểm b khoản 4 Điều 2” đề nghị sửa thành “điểm b khoản 4 Điều này” cho đúng kỹ thuật viện dẫn. 1.4. Về mức hỗ trợ, truy lĩnh (Điều 3): - Điểm a khoản 2 quy định mức truy lĩnh 23.400.000 đồng nhưng cho phép tính theo hóa đơn thực tế nếu chi phí thấp hơn; nội dung này chưa phù hợp với khoản 2	<i>độ trung cấp đào tạo lên cao đẳng hoặc đại học</i>) và giáo viên tiểu học, trung học cơ sở (<i>trình độ cao đẳng đào tạo lên đại học</i>). Việc hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thục dựa trên khả năng cân đối ngân sách của địa phương, văn bản không ràng buộc về mức hỗ trợ, do đó việc đề xuất một mức hỗ trợ chung cho giáo viên mầm non không vi phạm các quy định quy phạm pháp luật, đồng thời đảm bảo khả năng cân đối ngân sách của địa phương để thực hiện chính sách. - Cơ quan soạn thảo thống nhất, tiếp thu chỉnh sửa tại điểm a khoản 3 Điều 3 như sau: “<i>a) Đã được hỗ trợ, chi trả toàn bộ học phí bằng ngân sách nhà nước hoặc các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.</i>” - Tiếp thu, bổ sung vào điểm b khoản 3 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết cụm từ: “<i>...trừ trường hợp có lý do khách quan bất khả kháng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận</i>”. - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa điểm a khoản 2 Điều 3 cụm từ “thấp hơn mức hỗ trợ” thành “thấp hơn mức truy lĩnh”. “<i>Trường hợp chi phí đào tạo thấp hơn mức truy lĩnh thì tính theo hóa đơn thực tế</i>” là hoàn toàn phù hợp, không hề mâu thuẫn với
--	--	---

	Điều 2 dự thảo và điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP (mức truy lĩnh không thấp hơn mức học phí từ trung cấp lên cao đẳng). Đề nghị rà soát, điều chỉnh để bảo đảm không thấp hơn mức tối thiểu; đồng thời sửa cụm “thấp hơn mức hỗ trợ” thành “thấp hơn mức truy lĩnh” cho đúng đối tượng. - Đề nghị bổ sung căn cứ, thuyết minh cách xác định đơn giá (1.600.000; 1.790.000; 780.000 đồng/tháng), hệ số 1,5, thời gian 10 tháng/năm x 02 năm; xem xét thời gian đào tạo thực tế của từng hình thức, chương trình có thể khác nhau. - Đối với giáo viên dân lập, tự thực: Đề nghị quy định rõ hỗ trợ trực tiếp cho giáo viên hay thông qua cơ sở giáo dục; thời điểm chi (theo từng năm học hay sau khi tốt nghiệp); điều kiện hưởng (được cơ sở cử đi học, học đúng ngành, hoàn thành chương trình); trách nhiệm hoàn trả khi bỏ học, không hoàn thành chương trình hoặc thôi việc sớm. 1.5. Về kinh phí và tổ chức thực hiện (khoản 3, khoản 4 Điều 3; Điều 4): - Quy định nguồn kinh phí “do ngân sách Nhà nước chi trả” còn chung chung; đề nghị xác định rõ cấp ngân sách bảo	điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP (<i>mức truy lĩnh không thấp hơn mức học phí từ trung cấp lên cao đẳng</i>), đồng thời không làm thất thoát ngân sách Nhà nước. Do đó, cơ quan soạn thảo giữ nguyên nội dung này. - Cơ quan soạn thảo đính kèm Phụ lục dự toán kinh phí thực hiện chính sách, theo đó, Phụ lục dự toán kinh phí trình bày cụ thể về căn cứ, cơ sở pháp lý đề xuất mức hỗ trợ, truy lĩnh. - Giáo viên dân lập, tự thực được hỗ trợ đào tạo nâng chuẩn thuộc đối tượng của Nghị định số 71/2020/NĐ-CP và số Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ vẫn phải thực hiện Quyền và trách nhiệm của giáo viên tham gia đào tạo nâng trình độ chuẩn (<i>Điều 10</i>) và Đền bù chi phí đào tạo (<i>Điều 11</i>) Nghị định số 71/2020/NĐ-CP. Về điều kiện, thủ tục nhận hỗ trợ đối với giáo viên ngoài công lập thực hiện theo điểm c khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Việc tổ chức thực hiện sẽ do cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết. Do đó, việc bổ sung quy định đối với giáo viên dân lập, tự thực là không cần thiết. - Thống nhất tiếp thu, điều chỉnh khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị quyết thành “<i>Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh đảm bảo và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật</i>”.
--	--	--

	đảm (ngân sách tỉnh hay ngân sách cấp xã) và cơ chế bổ sung có mục tiêu cho cấp xã, nhất là các xã miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có khả năng cân đối ngân sách hạn chế, để địa phương chủ động lập dự toán, chi trả. - Điều 4 mới quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân; đề nghị bổ sung trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo (hướng dẫn, tổng hợp), Sở Tài chính (bố trí kinh phí), Ủy ban nhân dân cấp xã (rà soát, lập danh sách, công khai, chi trả đối với cơ sở giáo dục công lập thuộc thẩm quyền quản lý) và các cơ sở giáo dục; quy định hồ sơ (văn bản, hóa đơn hoặc biên lai học phí, xác nhận của cơ sở đào tạo, xác nhận chưa được thanh toán), trình tự và thời hạn giải quyết. - Thời hạn hoàn thành truy lĩnh trước ngày 31 tháng 12 năm 2027 khá ngắn so với số lượng đối tượng cần rà soát; đề nghị ban hành hướng dẫn và bố trí kinh phí sớm ngay sau khi Nghị quyết có hiệu lực. Đồng thời, đề nghị xem xét ưu tiên về thứ tự, thời hạn chi trả đối với giáo viên công tác tại vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. 2. Đối với dự thảo Tờ trình: 2.1. Về nội dung còn thiếu: Mục III đề nghị bổ sung quá trình lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu tác động. 2.2. Về kỹ thuật trình bày: Đề nghị rà soát, sửa các lỗi: lập cụm “Nghị quyết Nghị quyết” tại ý thứ 3 từ trên xuống thuộc Mục III của văn bản; “Luật Ban hành văn bản pháp luật	- Về trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan sẽ được UBND tỉnh giao nhiệm vụ trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết. Quy định về hồ sơ thanh toán, trình tự, thời hạn giải quyết thực hiện theo quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 3 Nghị định số 311/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các quy định pháp luật về tài chính hiện hành. - Việc hướng dẫn các nội dung liên quan sẽ được cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết. - Tiếp thu, điều chỉnh như sau “Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản nêu trên, Sở Giáo dục và Đào tạo đã dự thảo Tờ trình ... <i>lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đối tượng chịu tác động</i> và gửi Sở Tư pháp thẩm định theo
--	--	--

		ngày 19/02/2025” tại Mục II sửa thành “Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15” cho thống nhất với phần căn cứ; ký tự “*” trước tiêu đề “Yêu cầu cấp thiết về thực hiện chính sách” và cách trình bày các tiêu đề thứ cấp chưa thống nhất	quy định. - Thống nhất tiếp thu, chỉnh sửa các lỗi kỹ thuật văn bản
54	UBND đặc khu Lý Sơn tại Công văn số 5452/UBND ngày 13/10/2026	Thống nhất	
55	UBND xã Đăk Mar tại Công văn số 1795/UBND-VHXX ngày 13/10/2026	Thống nhất	
56	UBND xã Lân Phong tại Công văn số 1834/UBND-VX ngày 13/10/2026	Thống nhất	
57	UBND xã Tịnh Khê tại Báo cáo số 841/BC-UBND ngày 13/10/2026	Thống nhất	
58	Trường THPT Phan Đình Phùng tại Báo cáo số 24/BC-THPTPĐP ngày 02/10/2026	Thống nhất	
59	Trường THPT Phạm Kiệt tại Báo cáo số 440/BC-THPTPKB ngày 02/10/2026	Thống nhất	
60	Trường PTDTNT THPT Ia Toi tại Công văn số 93/CV-PTDTNTTHPTIA TOI ngày 05/10/2026	Thống nhất	
61	Trường Mầm non	Thống nhất	

	THSP Kon Tum tại Công văn số 80/CV-MNTHSP ngày 06/10/2026		
62	Trường PTDTNT THPT Kon Tum tại Công văn số 74/CV-DTNTKT ngày 06/10/2026	Thông nhất	
63	Trường Tiểu học THSP Ngụy Như Kon Tum tại Công văn số 98/CV-THSPNNKT ngày 08/10/2026	Thông nhất	
64	Trường PTDTNT THPT Đắk Glei tại Công văn số 114/CV-NT ngày 08/10/2026	Thông nhất	
65	Trường THPT Đình Tiên Hoàng tại Báo cáo số 414/BC-ĐTH ngày 09/10/2026	Thông nhất	
66	Trường THPT số 1 Đức Phổ tại Báo cáo số 37/BC-ĐP1 ngày 10/9/2026	Thông nhất	
67	Trường THPT Nghĩa Hành tại Công văn số 227/BC-NHA ngày 10/10/2026	Thông nhất	
68	Trường THPT Sơn Mỹ tại Báo cáo số 68/BC-THPTSM ngày 09/10/2026	Thông nhất	
69	Trường PTDTNT THPT Sa Thầy tại Báo cáo số 155/BC-DTNTST ngày 09/10/2026	Thông nhất	

70	Trung tâm GDTN – GDTX khu vực Bình Sơn tại Công văn số 56/TTBS ngày 12/10/2026	Thông nhất	
71	Trường THPT Mộ Đức tại Công văn số 74/CV-MĐ ngày 12/10/2026	Thông nhất	
72	Trường THPT Võ Nguyên Giáp tại Công văn số 139/VNG ngày 12/10/2026	Thông nhất	
73	Trường THPT tỉnh tại Báo cáo số 368/BC-DTNT ngày 13/10/2026	Thông nhất	
74	Trường THPT Nguyễn Huệ tỉnh tại Báo cáo số 162/BC-THPTNH ngày 13/10/2026	Thông nhất	

** Đính kèm:*

- Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị, địa phương;
- Dự thảo Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ cho giáo viên dân lập, tư thực và mức truy lĩnh cho giáo viên mầm non đào tạo nâng chuẩn từ trung cấp lên đại học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (đã tiếp thu, chỉnh sửa);
- Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết (đã tiếp thu, chỉnh sửa).

Sở Giáo dục và Đào tạo kính báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tư pháp (báo cáo);
- Giám đốc Sở GDĐT (báo cáo);
- Các PGĐ Sở GDĐT (để biết);
- Các phòng thuộc Sở GDĐT;
- Website Sở GDĐT (đăng tải);
- Lưu: VT, TCCB_{ntlieu}.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trọng Thắng

